

Bài 1 (2,0 điểm). Cho biểu thức $F = \left(\frac{\sqrt{x}}{3+\sqrt{x}} + \frac{x+9}{9-x} \right) : \left(\frac{3\sqrt{x}+1}{x-3\sqrt{x}} - \frac{1}{\sqrt{x}} \right)$ với $x > 0, x \neq 9$.

- a) Rút gọn F . b) Tìm x sao cho $F < -1$.

Bài 2 (1,0 điểm). Giải phương trình

$$\sqrt{(x-1)(x-2)} + \sqrt{(x-1)(x-3)} = 2\sqrt{(x-1)(x-4)}$$

với $x \leq 1$ hoặc $x \geq 4$.

Bài 3 (1,0 điểm). Tìm tất cả các giá trị hữu tỷ của x sao cho biểu thức $\frac{x^2+2x+3}{x^2-x+1}$ nhận giá trị là số nguyên.

Bài 4 (1,0 điểm). Các số $a_0, a_1, a_2, \dots, a_n, \dots$ được xác định bởi

$$a_0 = 9, a_{n+1} = 27a_n^{28} + 28a_n^{27}, \text{ với mọi } n = 0, 1, 2, \dots$$

Chứng minh rằng số a_{11} viết trong hệ thập phân có tận cùng nhiều hơn 2000 chữ số 9.

Bài 5 (2,0 điểm). Cho đa thức

$$F(x, y, z, t) = 9(x^2y^2 + y^2z^2 + z^2t^2 + t^2x^2) + 6xz(y^2 + t^2) - 6yt(x^2 + z^2) - 4xyzt.$$

- a) Hãy phân tích đa thức F thành tích của hai đa thức bậc hai.
b) Tìm giá trị nhỏ nhất của đa thức F khi $xy + zt = 1$

Bài 6 (1,5 điểm). Hình bình hành $ABCD$ có $A = 120^\circ$, $AB = a$, $BC = b$. Các đường phân giác trong của bốn góc A, B, C, D cắt nhau tạo thành tứ giác $MNPQ$. Tính diện tích tứ giác $MNPQ$.

Bài 7 (1,5 điểm). Trên các cạnh BC, CD của hình vuông có cạnh dài 1 đơn vị $ABCD$ ta lấy các điểm M, N tương ứng sao cho $MC + CN + MN = 2$ đơn vị. Đường chéo BD cắt các đoạn AM, AN lần lượt tại các điểm P và Q . Chứng minh rằng các đoạn thẳng BP, PQ, QD lập thành ba cạnh của một tam giác vuông.

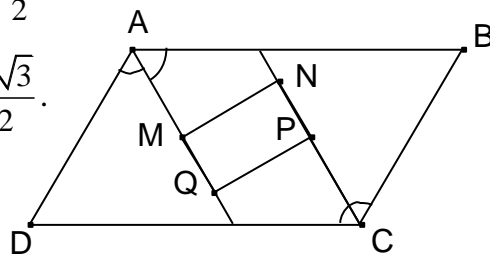
----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

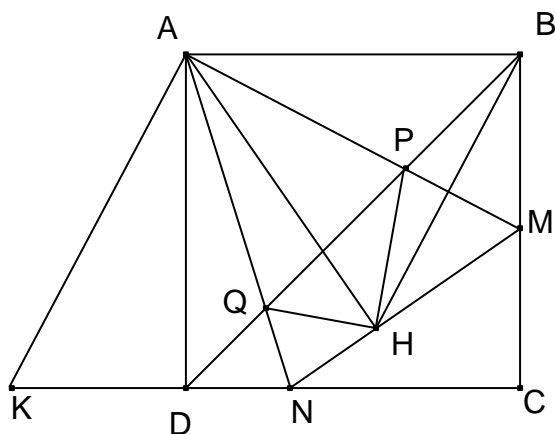
Họ và tên thí sinh:.....; Phòng thi:.....; Số báo danh:.....

Bài	ĐÁP ÁN	Điểm
1.a	Đáp số $F = \frac{-3\sqrt{x}}{2(\sqrt{x}+2)}$.	1,0
1.b	$F < -1 \Leftrightarrow -\frac{3\sqrt{x}}{2(\sqrt{x}+2)} + 1 = \frac{4-\sqrt{x}}{2(\sqrt{x}+2)} < 0$. Do $2(\sqrt{x}+2) > 0$ nên phải có $4-\sqrt{x} < 0 \Leftrightarrow x > 16$	1,0
2	Nếu $x = 1$ thay vào phương trình ta được nghiệm $x = 1$.	0,25
	Nếu $x \geq 4$ phương trình tương đương với $\sqrt{x-2} + \sqrt{x-3} = 2\sqrt{x-4}$ mà có $\begin{cases} \sqrt{x-2} > \sqrt{x-4} \\ \sqrt{x-3} > \sqrt{x-4} \end{cases}$ Vậy trường hợp này phương trình vô nghiệm.	0,25
	Nếu $x < 1$, phương trình tương đương với $\sqrt{(1-x)(2-x)} + \sqrt{(1-x)(3-x)} = 2\sqrt{(1-x)(4-x)} \Leftrightarrow \sqrt{2-x} + \sqrt{3-x} = 2\sqrt{4-x}$	0,25
	mà có $\begin{cases} \sqrt{2-x} < \sqrt{4-x} \\ \sqrt{3-x} < \sqrt{4-x} \end{cases}$ Vậy trường hợp này phương trình vô nghiệm. Do đó phương trình có nghiệm duy nhất $x = 1$.	0,25
3	Đặt $k = \frac{x^2+2x+3}{x^2-x+1} = \frac{(x+1)^2+2}{\left(x-\frac{1}{2}\right)^2+\frac{3}{4}} > 0, \forall x$. Vậy k là số nguyên dương. Từ đó có $(k-1)x^2 - (k+2)x + k - 3 = 0$ (1). Nếu $k = 1$ ta có $x_1 = \frac{2}{3}$ thỏa mãn. Nếu $k > 1$ để (1) có nghiệm hữu tỷ cần $\Delta = (k+2)^2 - 4(k-1)(k-3) \geq 0 \Leftrightarrow 3k^2 - 20k + 8 \leq 0$ $\Leftrightarrow (3k-10)^2 \leq 76 \Leftrightarrow 3k-10 < 9 \Leftrightarrow k < 7$. Thay $k = 2, 3, 4, 5, 6$ ta thấy chỉ có :	1,0

	<p>+) $k = 3$ thì (1) có nghiệm $x_2 = 0, x_3 = \frac{5}{2}$.</p> <p>+) $k = 6$ thì (1) có nghiệm $x_4 = \frac{3}{5}, x_5 = 1$.</p> <p>Vậy có 5 giá trị của x thỏa mãn.</p>	
4	<p>Theo đề bài ta có $a_{n+1} + 1 = 27a_n^{28} + 28a_n^{27} + 1 = 27a_n^{27}(a_n + 1) + a_n^{27} + 1$</p> $= (a_n + 1)(27a_n^{27} + a_n^{26} - a_n^{25} + a_n^{24} - \dots + a_n^2 - a_n + 1)$ $= (a_n + 1)(27(a_n^{27} + 1) + (a_n^{26} - 1) - (a_n^{25} + 1) + \dots + (a_n^2 - 1) - (a_n + 1)).$	0,5
	<p>Ta có $(a_n^{27} + 1) : (a_n + 1), (a_n^{26} - 1) : (a_n + 1), (a_n^{25} + 1) : (a_n + 1), \dots, (a_n^2 - 1) : (a_n + 1)$ nên suy ra $(a_{n+1} + 1) : (a_n + 1)^2$ (1)</p>	0,25
	<p>Do $a_0 = 9$ và trong (1) cho n lấy giá trị từ 0 đến 10 ta suy ra $(a_{11} + 1) : 10^{21}$ hay $(a_{11} + 1) : 10^{2048}$</p> <p>Vậy a_{11} viết trong hệ thập phân có tận cùng nhiều hơn 2000 chữ số 9.</p>	0,25
5.a	$F(x, y, z, t) = (3x^2 + 3z^2 + 2xz)(3y^2 + 3t^2 - 2yt)$	1,0
5.b	<p>Ta có $F(x, y, z, t) = (3yz + xy - zt - 3xt)^2 + 8(xy + zt) \geq 8$</p> <p>Dấu bằng xảy ra khi chẳng hạn $x = 1, y = 1, z = 0, t = \frac{1}{3}$.</p>	1,0
6	<p>Đễ thấy tứ giác $MNPQ$ có 4 góc vuông nên là hình chữ nhật.</p>	0,25
	<p>Tam giác vuông ADM có $DM = AD \sin DAM = \frac{b\sqrt{3}}{2}$.</p> <p>Tam giác vuông DCN có $DN = DC \sin DCN = \frac{a\sqrt{3}}{2}$.</p> <p>Vậy $MN = DN - DM = (a - b) \frac{\sqrt{3}}{2}$.</p> <p>(Giả sử $a > b$, trường hợp $a < b$ làm tương tự, $a = b$ thì không tồn tại tứ giác $MNPQ$).</p>	0,5
	<p>Tam giác vuông DCN có $CN = CD \cos 60^\circ = \frac{a}{2}$.</p> <p>Tam giác vuông BCP có $CP = CB \cos 60^\circ = \frac{b}{2}$.</p> <p>Vậy $NP = CN - CP = \frac{a - b}{2}$.</p>	0,5



	Suy ra diện tích hình chữ nhật $MNPQ$ là $S = MN.NP = (a-b)^2 \cdot \frac{\sqrt{3}}{4}$	0,25
7	Trên cạnh DC kéo dài về phía D lấy điểm K sao cho $DK = BM$. Ta có $MN = BM + DN$ (suy ra từ giả thiết) $= DK + DN = KN$. (1).	0,5
	Mặt khác $\triangle ADK = \triangle ABM \Rightarrow AM = AK$ (2). Từ (1) và (2) suy ra $\triangle KAN = \triangle MAN$. Từ đó $AKN = AMN = AMB, ANK = ANM$. Hạ AH vuông góc với MN . Dễ thấy $\triangle AHM = \triangle ABM \Rightarrow HM = MB, AH = AB$. Suy ra AM là trung trực của HB . Từ đó $PH = PB$ và $\triangle APH = \triangle APB \Rightarrow AHP = 45^\circ$.	0,5
	Chứng minh tương tự có $QH = QD, AHQ = 45^\circ$. Vậy $\widehat{QHP} = 90^\circ \Rightarrow QP^2 = HQ^2 + HP^2 = QD^2 + BP^2$.	0,5



Giám khảo chấm bài chú ý: Nếu thí sinh giải bằng cách khác mà đúng thì vẫn cho điểm tối đa.